

## MỘT SỐ BIỆN PHÁP PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC LIÊN TƯỞNG CHO HỌC SINH TRONG DẠY HỌC MÔN TOÁN Ở LỚP 3

Hoàng Nam Hải\*,  
Nguyễn Thị Dục

Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng  
Email: hnhai@ued.udn.vn

### Article history

Received: 25/9/2023

Accepted: 30/10/2023

Published: 05/12/2023

### Keywords

Sociative thinking ability,  
teaching Mathematics,  
elementary school students,  
solutions

### ABSTRACT

In teaching Mathematics, if students have good associative thinking ability, when solving a difficult problem, they can quickly connect with related knowledge to find a solution. Through thinking operations to find solutions to problems, students often perform associative thinking operations. Therefore, the associative thinking ability is a basic competency to be developed for students. The study proposes three pedagogical measures to develop students' associative thinking ability in teaching Mathematics in grade 3. To develop students' associative thinking ability effectively, teachers need to use appropriate teaching methods and flexible application of pedagogical measures that we have proposed; thereby contributing to developing children's mathematical thinking.

### 1. Mở đầu

Để bảo đảm phát triển bền vững, nhiều quốc gia đã không ngừng đổi mới giáo dục nhằm nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, trang bị cho các thế hệ tương lai nền tảng văn hoá vững chắc và năng lực thích ứng cao trước mọi biến động của xã hội. Đổi mới giáo dục đã trở thành nhu cầu cấp thiết và xu thế mang tính toàn cầu. Hiện nay, giáo dục Việt Nam đang chuyển từ dạy học tiếp cận nội dung sang định hướng dạy học tiếp cận năng lực người học. Trong dạy học phát triển năng lực người học, GV giữ vai trò dẫn dắt, tổ chức, HS là trung tâm, chủ động trong các hoạt động học tập. Theo Nghị quyết số 29-NQ/TW, đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông nhằm tạo chuyển biến căn bản, toàn diện về chất lượng và hiệu quả giáo dục; kết hợp dạy chữ, dạy người và định hướng nghề nghiệp; góp phần chuyển nền giáo dục còn nặng về truyền thụ kiến thức sang nền giáo dục phát triển toàn diện cả về phẩm chất và năng lực, hài hoà đức, trí, thể, mỹ và phát huy tốt nhất tiềm năng của mỗi HS (Ban Chấp hành Trung ương, 2013).

Theo Từ điển tiếng Việt, “liên tưởng” có nghĩa là nhân sự vật, hiện tượng nào đó mà nghĩ đến sự vật, hiện tượng khác có liên quan (Hoàng Phê và cộng sự, 2008). Toán học là một hệ thống các kiến thức có liên hệ mật thiết với nhau. Do vậy, liên tưởng là năng lực rất quan trọng, cần rèn luyện cho HS. “Nếu HS có năng lực liên tưởng (NLLT) tốt thì khi đứng trước bài toán khó, các em có thể nghĩ đến một kiến thức nào đó liên quan và định hướng được cách giải; ngược lại, nếu NLLT kém, khi đứng trước một vấn đề nào đó, HS sẽ không biết đặt nó trong mối liên hệ với các kiến thức đã biết nào, dẫn đến việc nhìn vấn đề một cách cục bộ, rời rạc” (Nguyễn Dương Hoàng và Nguyễn Minh Phương, 2014, tr 44). Nếu HS có được NLLT trong quá trình giải quyết vấn đề toán học, các em sẽ cảm thấy yêu thích học môn Toán, có hứng thú học tập hơn, góp phần giải quyết các vấn đề toán học hiệu quả, đáp ứng được yêu cầu đổi mới giáo dục trong giai đoạn hiện nay. Bên cạnh đó, NLLT trong giải quyết vấn đề toán học của HS có thể được phát triển và cải thiện thông qua các hoạt động học tập.

Trước một vấn đề cần giải quyết, một bài toán cụ thể, có những HS liên tưởng được nhiều kiến thức, phương pháp, định lý đã biết, giúp cho việc giải quyết vấn đề, giải bài toán nhanh hơn. Sức liên tưởng của HS phụ thuộc vào tiềm năng tích lũy kiến thức, phương pháp và sự nhạy cảm trong khâu phát hiện vấn đề; không có NLLT thì sẽ không có trực giác, năng lực giải toán sẽ hạn chế, nghèo nàn về ý tưởng; tuy nhiên, để liên tưởng có hiệu quả thì cần có sự sàng lọc liên tưởng (Nguyễn Dương Hoàng và Nguyễn Minh Phương, 2014).

Bài báo trình bày một số vấn đề về “NLLT” và đề xuất 3 biện pháp phát triển NLLT cho HS trong dạy học môn Toán ở lớp 3.

### 2. Kết quả nghiên cứu

#### 2.1. Năng lực liên tưởng

Theo Võ Xuân Mai (2016), liên tưởng là một năng lực quan trọng trong quá trình học tập của HS; khi giải quyết một vấn đề đặt ra, thông tin mà HS mới tiếp nhận chưa gắn kết được với kiến thức đã có, tức là chưa đồng hoá được

thì HS có thể liên tưởng tới những kiến thức liên quan khác và các em phải thực hiện hoạt động điều ứng, chuyển nghiên cứu từ đối tượng này sang đối tượng khác để tạo nên một sự cân bằng. Nghiên cứu của Trần Thị Hồng Nhung (2020) cho rằng: NLLT là khả năng kết nối, áp dụng và sáng tạo từ các khái niệm, ý tưởng, kiến thức để giải quyết vấn đề, tạo ra những giải pháp mới và độc đáo; NLLT còn góp phần phát triển khả năng tư duy logic, trí tuệ đa chiều, khả năng tương tác, giao tiếp và hợp tác trong các tình huống khác nhau. Theo Lê Thị Ngọc Huyền (2013), NLLT được coi là yếu tố quan trọng, giúp HS có khả năng giải quyết các vấn đề, đồng thời tạo ra giải pháp sáng tạo trong học tập và cuộc sống. Từ các quan điểm trên, theo chúng tôi, *NLLT trong giải quyết vấn đề toán học là một thuộc tính cá nhân được hình thành và phát triển nhờ tố chất sẵn có và quá trình học tập, rèn luyện, cho phép con người giải quyết những vấn đề toán học mới trên cơ sở liên tưởng để vận dụng cách giải quyết vấn đề toán học đã biết vào bối cảnh mới.*

Tham khảo các nghiên cứu của Đào Tam và Trần Trung (2020), Trần Thị Hồng Nhung (2020), Võ Xuân Mai (2014), theo chúng tôi NLLT gồm các thành tố sau:

(1) *Nhận ra kiến thức toán học đã biết trong tình huống mới:* Đây là khả năng kết nối kiến thức từ các lĩnh vực khác nhau để giải quyết vấn đề trong tình huống mới. Chẳng hạn: Khi giải một bài toán về diện tích của một hình chữ nhật, HS có thể nhận ra rằng diện tích của hình chữ nhật chính là tích của hai cạnh. Sau đó, các em có thể áp dụng kiến thức này vào giải các bài toán khác như tính diện tích của một hình vuông, hình tam giác, hay hình thoi. Đồng thời, nghiên cứu cũng chỉ ra rằng, việc phát triển NLLT tạo điều kiện cho HS tiếp cận với nhiều lĩnh vực khác nhau, từ đó giúp các em hiểu sâu hơn về kiến thức và có thể áp dụng vào nhiều tình huống khác nhau.

(2) *Liên tưởng đến cách giải quyết vấn đề toán học cũ:* Liên tưởng đến cách giải quyết vấn đề cũ của NLLT thể hiện qua việc HS sử dụng kiến thức và kĩ năng đã có từ các môn học khác nhau để giải quyết vấn đề mới.

(3) *Biến đổi đối tượng, “quy lạ về quen”:* HS có khả năng sử dụng những kiến thức và kĩ năng đã học để biến đổi một vấn đề mới về một tình huống, vấn đề đã biết cách giải. Biểu hiện này cho thấy sự linh hoạt trong tư duy của HS, khả năng sử dụng kiến thức và kĩ năng đã học để giải quyết vấn đề mới.

(4) *Khái quát hoá các vấn đề tương tự:* Khái quát hoá các vấn đề tương tự là một trong những yếu tố cơ bản của NLLT. Khả năng này cho phép người học áp dụng kiến thức và kinh nghiệm từ một tình huống cụ thể vào các tình huống khác, giúp tăng tính ứng dụng của kiến thức và kĩ năng.

Theo nghiên cứu của Trần Thị Hồng Nhung (2020), NLLT giúp HS tiểu học phát triển khả năng tư duy sáng tạo và đa dạng hóa các phương pháp giải quyết vấn đề toán học. Nhiều nghiên cứu cũng đã chỉ ra rằng, NLLT giúp trẻ phát triển khả năng tư duy sáng tạo, tìm kiếm cách giải quyết mới cho các vấn đề toán học; kết nối kiến thức, thông tin từ nhiều lĩnh vực khác nhau để tạo ra các giải pháp mới cho vấn đề toán học. Khái quát lại, theo chúng tôi, NLLT của HS tiểu học trong dạy học môn Toán có một số vai trò cơ bản sau: - Kích thích sự sáng tạo; - Hỗ trợ quá trình giải quyết vấn đề phức tạp; - Xây dựng kiến thức toán học đa dạng; - Tăng cường khả năng tư duy logic; - Phát triển khả năng giao tiếp.

## 2.2. Đề xuất biện pháp phát triển năng lực liên tưởng cho học sinh trong dạy học môn Toán ở lớp 3

### 2.2.1. Thiết kế một số tình huống có vấn đề nhằm giúp học sinh liên tưởng đến những kiến thức đã học để giải quyết vấn đề toán học mới

\* *Mục đích của biện pháp:* Giúp HS có cơ hội được luyện tập và phát triển NLLT thông qua việc giải quyết một số tình huống có vấn đề trong dạy học môn Toán ở lớp 3. Biện pháp này có nhiều cơ hội để phát triển cho HS các thành tố 1, 2 và 3 của NLLT.

\* *Cách thức thực hiện biện pháp:* GV cần thường xuyên thiết kế, tổ chức các tình huống dạy học tạo cho HS nhu cầu cần khắc phục và giải quyết các mâu thuẫn bằng cách liên tưởng, huy động những kiến thức và phương pháp đã biết để thiết lập các mối liên hệ, từ đó tiếp nhận được tri thức mới. Để thiết kế một số tình huống có vấn đề, GV cần thực hiện theo các bước sau:

- *Bước 1: Nghiên cứu kĩ nội dung dạy học, xác định kiến thức cũ có liên quan để giải quyết vấn đề mới.* Xác định mục tiêu bài học là yêu cầu đầu tiên có tính chất xác định các nhiệm vụ của tình huống đó. Trong dạy học, mọi hoạt động đều nhằm mục đích hướng tới là mục tiêu bài học. Do vậy, GV cần tự đặt ra các câu hỏi như: “*Ở bài học này, HS cần đạt được các yêu cầu nào?; Góp phần hình thành và phát triển cho HS các năng lực, phẩm chất nào?*”. Có như vậy, tình huống đó mới có giá trị, tránh trường hợp lan man, khi thảo luận tình huống sẽ rơi vào “*nói chuyện phiếm*”.

Khi xây dựng tình huống có vấn đề, GV cần chú ý đến các yếu tố khách quan như: thời gian - dung lượng của bài học; chất lượng HS; cơ sở vật chất,... Những yếu tố này có thể quyết định trực tiếp đến sự thành công của tình huống.

- *Bước 2: Thiết kế tình huống có vấn đề chứa đựng nội dung dạy học.* Tình huống đưa ra cần hấp dẫn, liên quan đến kiến thức cũ, kinh nghiệm cũ của HS, các em cảm thấy mình có thể giải quyết được nhưng chưa thể làm ngay mà phải tích cực suy nghĩ, biến đổi đối tượng, xâm nhập đối tượng, liên tưởng đến cách làm cũ, kiến thức cũ,... Từ đó, HS sẽ thử nghiệm giải quyết vấn đề mới theo cách làm cũ. Các tình huống được nêu cần ngắn gọn, làm nổi bật vấn đề cần giải quyết. Tình huống có vấn đề có thể được thể hiện dưới dạng câu hỏi, câu chuyện có tình huống,...

- *Bước 3: Chuyển giao nhiệm vụ cho HS giải quyết tình huống có vấn đề.* Tùy vào nội dung của tình huống, GV chọn lựa các phương pháp, kĩ thuật phù hợp để triển khai giải quyết tình huống có vấn đề, sao cho HS có thể dễ dàng kết nối với những kiến thức đã học để giải quyết.

*Ví dụ 1:* Khi thiết kế tình huống toán học có vấn đề trong dạy học bài: “*Phép cộng trong phạm vi 10 000*” (Toán 3), GV cần liên hệ với thực tiễn để thiết kế tình huống có vấn đề theo các bước sau:

- *Bước 1: Nghiên cứu kĩ nội dung dạy học, xác định kiến thức cũ có liên quan để giải quyết vấn đề mới.* HS cần thực hiện được: + Cách đặt tính và thực hiện phép tính cộng trong phạm vi 1000; + Từ cách đặt tính và thực hiện phép cộng trong phạm vi 1000, HS liên tưởng đến với các số trong phạm vi 10000.

- *Bước 2: Thiết kế tình huống có vấn đề chứa đựng nội dung dạy học.* GV cần tạo tình huống dẫn dắt cho HS liên hệ đến những vấn đề gần gũi với cuộc sống. Trên cơ sở xác định những vấn đề HS đã nắm vững, vấn đề các em có thể giải quyết được, GV có thể đặt ra các yêu cầu cụ thể đối với tình huống.

- *Bước 3: Chuyển giao nhiệm vụ cho HS giải quyết tình huống có vấn đề.*

+ GV giới thiệu tình huống:

*Câu hỏi 1:* Hãy kể tên một số dân tộc ít người ở Đà Nẵng mà em biết.

*Câu hỏi 2:* Các em đã từng nghe nói về dân tộc người Hoa và dân tộc Cơ Tu chưa?

*Tình huống:* Ở Đà Nẵng, người Hoa có 2974 người, dân tộc Cơ Tu có 1198 người. Hỏi hai dân tộc có tất cả bao nhiêu người?

+ GV hướng dẫn HS tìm cách giải quyết tình huống trên.

2.2.2. *Tổ chức cho học sinh phân tích vấn đề cần giải quyết để tìm mối liên hệ giữa vấn đề đã biết với vấn đề cần giải quyết trong quá trình dạy học giải toán*

\* *Mục đích của biện pháp:* Giúp HS phân tích các vấn đề mới để tìm mối liên hệ với các vấn đề, kiến thức đã biết; từ đó HS rèn luyện và phát triển kĩ năng phân tích vấn đề toán học mới, biết liên kết các kiến thức, luyện tập, phát triển kĩ năng “quy lạ về quen” thông qua việc giải chuỗi bài toán từ đơn giản đến phức tạp.

\* *Cách thức thực hiện biện pháp:* Trong quá trình dạy học giải toán, GV cần đặt các câu hỏi mang tính định hướng thông qua các bước để HS phân tích vấn đề với chuỗi bài toán từ đơn giản đến phức tạp. Từ đó, góp phần phát triển cho HS NLLT và có thói quen tự đặt câu hỏi trước khi giải quyết các vấn đề toán học, tìm ra mấu chốt của bài toán. Để tổ chức cho HS phân tích, tìm mối liên hệ giữa vấn đề đã biết với vấn đề cần giải quyết, GV cần hướng dẫn HS phân tích theo các hoạt động sau:

- *Hoạt động 1: Cho HS phân tích vấn đề toán học mới.* Trong các bài toán, có một số trường hợp nếu giữ nguyên thông tin hay cách phát biểu ban đầu thì chưa làm xuất hiện vấn đề, cần thông qua một hay một số thao tác biến đổi mới xuất hiện các thông tin có lợi cho việc giải quyết vấn đề đặt ra.

+ *Bước 1. Thu thập, sắp xếp, đánh giá thông tin.* Dựa vào bài toán, đánh giá xem các dữ kiện đã cho được sử dụng như thế nào, cần có thêm yếu tố nào trong quá trình giải quyết vấn đề.

+ *Bước 2. Kết nối thông tin với kiến thức đã biết.* Từ thông tin đã có và yêu cầu của bài toán, liên kết với các kiến thức đã biết, vận dụng kiến thức đó trong quá trình giải quyết vấn đề.

+ *Bước 3. Xác định cách thức giải quyết vấn đề.* Thông qua việc thu thập, sắp xếp, đánh giá thông tin, kết nối các thông tin đã cho với kiến thức mới, bước đầu xác định được cách thức, chiến lược, giải pháp để giải bài toán, thực hiện giải quyết vấn đề.

*Ví dụ 2:* Có hai bao đựng đường. Bao thứ nhất nặng 326kg, bao thứ hai nặng hơn bao thứ nhất 108kg. Bao thứ ba nhẹ hơn bao thứ hai 50kg. Hỏi bao thứ hai và bao thứ ba mỗi bao cân nặng bao nhiêu ki-lô-gam đường?.

Để giải bài toán này, GV thực hiện theo các bước sau:

+ *Bước 1: Thu thập, sắp xếp, đánh giá thông tin.* Thông tin về cân nặng của bao thứ hai phụ thuộc vào thông tin về cân nặng của bao thứ nhất. Tương tự, biết cân nặng bao thứ hai sẽ tìm được cân nặng bao thứ ba.

+ *Bước 2. Kết nối thông tin với kiến thức đã có.* HS cần huy động các kiến thức sau: (1) Tìm cân nặng của bao thứ hai: HS liên tưởng về bài toán nhiều hơn được học ở lớp 2 để tính; (2) Tìm cân nặng của bao thứ ba: HS liên tưởng đến bài toán về ít hơn đã học ở lớp 2 để tính.

+ *Bước 3. Xác định cách thức giải quyết vấn đề.* GV khuyến khích HS lập kế hoạch giải chi tiết cho bài toán và thực hiện cách giải.

Như vậy, hoạt động biến đổi thông tin hoặc biến đổi bài toán có vai trò quan trọng, góp phần phát triển NLLT cho HS.

- *Hoạt động 2: Cho HS luyện tập phát triển kỹ năng “quy lạ về quen” thông qua việc giải chuỗi bài toán từ đơn giản đến phức tạp.* Kỹ năng “quy lạ về quen” là kỹ năng chuyển đổi vấn đề cần giải quyết về dạng quen thuộc đã biết cách giải. Trong quá trình học tập, khi giải quyết một vấn đề đặt ra, HS thường liên tưởng tới kiến thức và kỹ năng đã có. Sự liên tưởng này hình thành trên cơ sở so sánh, đối chiếu các dữ kiện, yêu cầu của bài toán hay vấn đề đặt ra với các kiến thức và kỹ năng mà HS lưu giữ trong trí nhớ. Thực hiện sự chuyển hoá các liên tưởng này tức là xác lập mối liên hệ giữa tri thức đã có với các khám phá của HS trong quá trình học tập.

### 2.2.3. Tập luyện các thao tác tư duy cho học sinh

\* *Mục đích của biện pháp:* Giúp HS rèn luyện các thao tác tư duy, hiểu được mối quan hệ giữa các kiến thức đã học với kiến thức mới, tạo ra một môi trường học tập tích cực và sáng tạo. Biện pháp này có nhiều cơ hội để phát triển cho HS các thành tố 1, 2 và 4 của NLLT.

\* *Cách thức thực hiện biện pháp:* HS rèn luyện được thao tác tư duy để giải quyết vấn đề toán học khi thực hiện các thao tác so sánh, phân tích, tổng hợp, khái quát hóa, đặc biệt hóa,... Để thực hiện biện pháp này, GV cần hướng dẫn HS thực hiện theo các hoạt động cơ bản sau:

- *Hoạt động 1: Tập luyện thao tác tư duy so sánh.* So sánh là xác định sự giống và khác nhau của các sự vật và hiện tượng; để so sánh hai sự vật (hiện tượng), ta phải phân tích các dấu hiệu, thuộc tính bản chất giữa chúng, đối chiếu với các dấu hiệu, thuộc tính đó với nhau, sau đó tổng hợp lại xem hai sự vật đó có gì giống và khác nhau (Polya, 1997). Thao tác tư duy so sánh thường có hai mục đích: phát hiện những đặc điểm chung và đặc điểm khác nhau của một số đối tượng.

*Ví dụ 3:* Trong dạy học bài “Chu vi hình vuông” (Toán 3), để hình thành công thức tính chu vi hình vuông sau khi HS đã biết được cách tính chu vi của hình chữ nhật, GV có thể thực hiện các bước sau:

+ *Bước 1:* Hướng dẫn HS phát hiện ra điểm giống nhau của hình vuông và hình chữ nhật, đó là: Hình vuông là một hình chữ nhật đặc biệt.

+ *Bước 2:* Hướng dẫn HS phát hiện ra điểm khác nhau của hình vuông và hình chữ nhật, đó là: Hình chữ nhật có 2 cặp cạnh bằng nhau, hình vuông có 4 cạnh bằng nhau.

+ *Bước 3:* Hướng dẫn HS đưa ra công thức tính chu vi hình vuông dựa vào công thức tính chu vi hình chữ nhật (xem bảng 1):

*Bảng 1. Bảng công thức tính chu vi của hình chữ nhật, hình vuông*

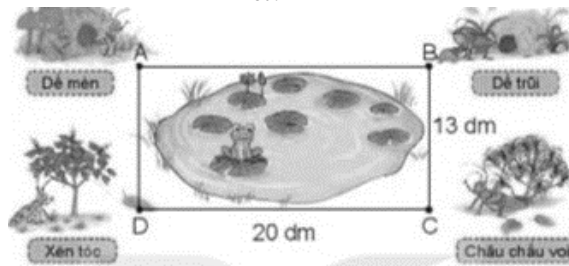
Công thức tính chu vi hình chữ nhật	Công thức tính chu vi hình vuông
$P = (a + b) \times 2$	$P = (a + a) \times 2 = a \times 4$

- *Hoạt động 2: Tập luyện cho HS thao tác tư duy phân tích và tổng hợp.* GV tổ chức các hoạt động giúp HS được luyện tập thao tác tư duy phân tích và tổng hợp khi giải một bài toán, đó là: tách các dữ liệu trong bài toán, làm xuất hiện các yếu tố cần giải quyết, liên hệ với kiến thức nền tảng, từ đó tìm ra cách giải bài toán mới từ các cách giải quyết vấn đề đã biết. Từ dữ liệu thu được thông qua thao tác phân tích, HS tiến hành thao tác tư duy tổng hợp.

*Ví dụ 4:* Nhà các bạn đế mèn, đế trĩu, châu châu voi và xén tóc ở bốn đỉnh của hình chữ nhật ABCD (xem hình 1). Biết rằng:  $BC = 13\text{cm}$ ;  $CD = 20\text{dm}$ . Hỏi:

a) Nhà đế mèn cách nhà xén tóc bao nhiêu đề-xi-mét?

b) Nhà đế mèn cách nhà đế trĩu bao nhiêu đề-xi-mét?



Hình 1

(Nguồn: Hà Huy Khoái và cộng sự, 2023, tr 60)

Bài toán này nhằm giúp HS ôn tập kiến thức về nhận biết hình chữ nhật dựa trên các đặc điểm về cạnh với các nhân vật được lấy ra từ câu chuyện “Đế Mèn phiêu lưu kí”. Để giải được bài toán này, HS thực hiện các thao tác tư duy so sánh, phân tích, tổng hợp. HS so sánh quãng đường của bốn ngôi nhà tạo thành hình chữ nhật có chiều rộng là 13dm và chiều dài là 20dm. Từ đó, xác định được yêu cầu ở câu a và câu b là tính độ dài cạnh nào của hình chữ nhật để tìm ra kết quả (nhà đế mèn cách nhà xén tóc 13dm; nhà đế mèn cách nhà đế trĩu 20dm). Ngoài ra, sau khi HS xác định được độ dài các quãng đường đó, GV có thể mở rộng bài toán bằng câu hỏi: Em hãy giúp đế mèn tìm đường ngắn nhất đi qua nhà tất cả các bạn (qua nhà mỗi bạn 1 lần) rồi quay về nhà mình và tính độ dài đường đi đó?

Kết hợp giữa thao tác phân tích và thao tác tổng hợp giúp HS hiểu và trình bày lời giải một cách tự nhiên hơn. Hai thao tác này có mối liên hệ chặt chẽ với nhau: Phân tích để tìm đường lối giải còn tổng hợp là trình bày, giải quyết vấn đề toán học.

- *Hoạt động 3: Tập luyện thao tác khái quát hóa và đặc biệt hóa.* Đặc biệt hóa và khái quát hóa là hai thao tác trái ngược nhau. Đặc biệt hóa nghiên cứu các trường hợp đặc biệt, các trường hợp cụ thể của một bài toán tổng quát. Khái quát hóa là từ bài toán cụ thể, tổng quát thành bài toán mới chứa đựng bài toán ban đầu. Đặc biệt hóa và khái quát hóa có mối liên hệ chặt chẽ với nhau. Nhờ khái quát hóa mà HS nhận thức sự vật sâu hơn, toàn diện hơn.

*Ví dụ 5:* Khi học về kiến thức nhân số có hai chữ số với số có một chữ số, nhân số có ba chữ số với số có một chữ số, HS hoàn toàn có thể khái quát hoá được cách đặt tính và tính để áp dụng thực hiện cho các bài nhân số có bốn chữ số với số có một chữ số, hoặc nhân số có năm chữ số với số có một chữ số. Với cách giải quyết với dạng bài phép nhân, HS cũng có thể khái quát hoá để giải quyết các vấn đề tương tự với phép chia thông qua các bài chia số có hai, ba, bốn, năm chữ số với số có một chữ số.

Sau khi HS đã khái quát hoá, đặc biệt hoá được các nội dung kiến thức trên, GV tổ chức các hoạt động cho HS khắc sâu kiến thức và thực hành luyện tập, từ đó góp phần phát triển các năng lực toán học, đặc biệt là NLLT cho các em.

### 3. Kết luận

Dạy học Toán nói chung, dạy học Toán ở lớp 3 nói riêng theo hướng tiếp cận năng lực toán học là mục tiêu của quá trình dạy học. Trong các thao tác tư duy để tìm kiếm giải pháp giải quyết vấn đề toán học mới, HS thường thực hiện các thao tác liên tưởng. Liên tưởng đến kiến thức cũ có liên quan, liên tưởng đến các cách giải quyết vấn đề cũ đã biết, tương tự với vấn đề mới cần giải quyết. Từ đó, HS huy động kiến thức, giải pháp tương tự bằng các cách thử nghiệm, thử sai, “quy lạ về quen” và khám phá ra cách thức giải quyết vấn đề mới. Do đó, dạy học phát triển NLLT cho HS trong quá trình giải quyết vấn đề toán học có vai trò quan trọng, giúp HS phát triển tư duy và nâng cao khả năng giải toán. Thực tiễn triển khai dạy học Toán cho thấy, các biện pháp sự phạm mà chúng tôi đề xuất bước đầu có tính khả thi và hiệu quả, có thể vận dụng linh hoạt trong dạy học Toán nhằm phát triển NLLT cho HS.

### Tài liệu tham khảo

- Ban Chấp hành Trung ương (2013). *Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04/11/2023 về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hoá, hiện đại hoá trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế.*
- Đào Tam, Trần Trung (2010). *Tổ chức hoạt động nhận thức trong dạy học môn Toán ở trường phổ thông.* NXB Đại học Sư phạm.
- Hà Huy Khoái (tổng chủ biên), Lê Anh Vinh (chủ biên), Nguyễn Áng, Vũ Văn Dương, Nguyễn Minh Hải, Hoàng Quế Hương, Bùi Bá Mạnh (2023). *Toán 3 (tập 1).* NXB Giáo dục Việt Nam.
- Hoàng Phê (chủ biên, 2008). *Từ điển tiếng Việt.* NXB Đà Nẵng.
- Lê Thị Ngọc Huyền (2013). Nâng cao khả năng tư duy liên tưởng cho học sinh lớp 3 thông qua giảng dạy toán học. *Tạp chí Khoa học, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội, 8, 35-43.*
- Nguyễn Dương Hoàng, Nguyễn Minh Phương (2014). Rèn luyện năng lực liên tưởng và huy động kiến thức cho học sinh trong dạy học giải toán bất đẳng thức. *Tạp chí Giáo dục, 330, 44-46.*
- Polya, G. (1997). *Toán học và những suy luận có lí.* NXB Giáo dục.
- Trần Thị Hồng Nhung (2020). *Xây dựng chương trình giáo dục phát triển năng lực liên tưởng cho học sinh tiểu học ở Việt Nam.* Luận án tiến sĩ Khoa học giáo dục, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội.
- Võ Xuân Mai (2014). Góp phần bồi dưỡng năng lực liên tưởng cho học sinh thông qua dạy học chủ đề Phương pháp tọa độ trong không gian (Hình học 12). *Tạp chí Giáo dục, 347, 45-57.*
- Võ Xuân Mai (2016). Sử dụng liên tưởng trong dạy học phát hiện tri thức mới qua dạy học bài “Phương trình mặt phẳng” Hình học 12. *Tạp chí Thiết bị giáo dục, 126, 7-10.*